

Bộ phận Chiến lược đầu tư
DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	13.7%	185.7%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	21.9%	-	-5.4%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	2.0%	-	30.4%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	25.3%	215.4%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	5.3%	-	26.9%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	-	6.8%	42.5%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	39.0%	59.4%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	131.4%	159.6%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	11.6%	80.6%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	43.5%	151.8%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	15.2%	-	123.6%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	17.5%	49.4%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	24.5%	60.9%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	26.4%	108.2%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	-	17.6%	43.0%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	-	3.7%	50.5%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 - 28,000	46,000	21,900	1:3	13.2%
TNG	24/08/21	25,460 - 26,850	35,180	24,000	1:3	23.3%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	9.5%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	26.0%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	67.9%
ABI	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	30.7%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	121.1%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	231.9%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	35.1%
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500	1:3	-8.2%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	82.0%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	27.0%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	43.5%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	18.5%
BCG*	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	96.2%
DIG*	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	171.1%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	52.3%
CEO*	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900	1:3	110.2%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	31.7%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	50.0%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-6.7%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	-1.5%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	21.2%
FCN	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	22.8%
PVD	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	20.0%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	140.1%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	36.3%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	73.3%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	75.9%
SAM*	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	102.5%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	53.1%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	51.8%
MSR	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	41.9%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	143.5%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	150.6%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	302.3%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	252.9%

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường mở cửa tích cực và duy trì sắc xanh tốt trong buổi sáng, nhưng suy yếu trong buổi chiều và đến cuối ngày thì đánh mất mốc tham chiếu, phiên ATC giảm điểm khiến biên độ giảm bị nới rộng khi đóng cửa.

Tương quan tăng giảm nghiêng nhẹ về phía giảm trên toàn thị trường và hoàn toàn trội hơn trong nhóm VN30. GAS, VIC, HPG, VCB, VPB... là những cái tên tác động tiêu cực nhất đến thị trường, trong khi ở chiều ngược lại sự hỗ trợ đáng kể cho VNINDEX đến từ BID, SSI, GEX, DIG...

Về mặt nhóm ngành, diễn biến tích cực nổi trội có thể được thấy ở nhóm cổ phiếu Chứng khoán và một bộ phận cổ phiếu Bất động sản. Trong khi các cổ phiếu Phân bón và Thép có ngày giao dịch đáng buồn.

VN-INDEX



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX ngày 18/11/2021: (1) Biên độ dao động hẹp, mở cửa cao hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn mở cửa và thấp nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày lớn hơn ngày liền trước và ở mức trung bình.

- ⇒ VNINDEX có khoảnh khắc trong phiên vượt qua nhẹ mức cao nhất từng có (đạt được trong ngày thứ hai đầu tuần) nhưng sau đó suy yếu và đóng cửa giảm điểm, đáng chú ý khi phần lớn biên độ giảm được đóng góp bởi phiên ATC. Lực bán chưa thực sự cho thấy sự nổi trội của mình nhưng đây là vùng điểm khá nhạy cảm khi mà cả VNINDEX và VNMIDCAP (đại diện cho nhóm vốn hóa vừa – động lực tăng chính trong thời gian qua) đều đang ở vùng tiềm ẩn sự kháng cự mạnh.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,380 – 1,400
Kháng cự	1460 – 1,480

TIÊU ĐIỂM – NEWS FOCUS

CTCP Chứng khoán SSI – SSI VN

Ngày 17/11, Hội đồng quản trị CTCP Chứng khoán SSI vừa thông qua phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ dự kiến sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua.

Cụ thể, SSI sẽ chào bán tối đa 497,3 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1. Giá chào bán là 15.000 đồng/cp – bằng 1/3 thị giá hiện tại - tương ứng giá trị huy động dự kiến là 7.460 tỷ đồng.

CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang - DGC VN

Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC) vừa thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường 2021, một trong những nội dung quan trọng tại cuộc họp lần này là kế hoạch đầu tư dự án Tổ hợp Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn. Tổ hợp đặt tại Thanh Hoá với tổng mức đầu tư 12.000 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 1 (2020-2025) chiếm 10.000 tỷ đồng còn giai đoạn 2 (2026-2028) chiếm 2.000 tỷ đồng.

Cụ thể, giai đoạn 1 DGC sẽ khởi công xây dựng vào quý 1/2022 và dự kiến vận hành ổn định nhà máy từ 2025. Diện tích mặt bằng sử dụng đạt khoảng 80 ha. Một số sản phẩm trong giai đoạn 1 gồm: Xút NAOH quy đặc, nhựa PVC, axit HCL, nước tẩy Javen, Chloramin B... Ước tính bởi DGC, doanh thu và lợi nhuận dự kiến của dự án ở mức 8.723 tỷ đồng và 1.800 tỷ đồng.

SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
SCL	Upcom	Thực hiện tham dự Đại hội cổ đông bất thường 2021	19/11/2021	22/11/2021	19/11/2021
CCR	HNX	Giao dịch đầu tiên 24.501.817 cổ phiếu niêm yết			19/11/2021
HVN	HSX	Giao dịch 796.103.327 niêm yết bổ sung		15/11/2021	19/11/2021
BID	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 2 năm 2021	19/11/2021	22/11/2021	19/11/2021
HSV	Upcom	Giao dịch 5.000.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung	19/11/2021	19/11/2021	19/11/2021
SVI	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2021, trả cổ tức năm 2020 (2.000 đ/cp)	19/11/2021	22/11/2021	6/12/2021
DXS	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/11/2021	22/11/2021	19/11/2021
DTT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021			19/11/2021
ICG	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	19/11/2021	22/11/2021	14/12/2021
SFI	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, tạm ứng cổ tức đợt 2/2021 (500 đ/cp)	19/11/2021	22/11/2021	2/12/2021
VTK	Upcom	Giao dịch 623.831 cổ phiếu niêm yết bổ sung	19/11/2021	19/11/2021	19/11/2021
SFC	HSX	ĐHĐCĐ TN 2021, tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 (1.800 đ/cp)	19/11/2021	22/11/2021	15/12/2021
ATA	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/11/2021	22/11/2021	19/11/2021
VDN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	19/11/2021	22/11/2021	10/12/2021
BNA	HNX	Giao dịch đầu tiên 3.999.989 cổ phiếu niêm yết bổ sung			19/11/2021
SHS	HNX	Giao dịch đầu tiên 117.996.826 cổ phiếu niêm yết bổ sung			19/11/2021
SJ1	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	19/11/2021	22/11/2021	19/11/2021

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	45.5%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.
 Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.
 Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

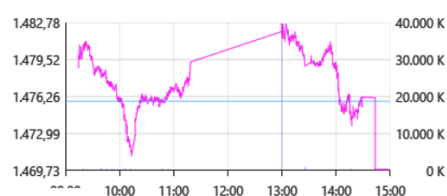
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

BIẾN ĐỘNG NGÀY

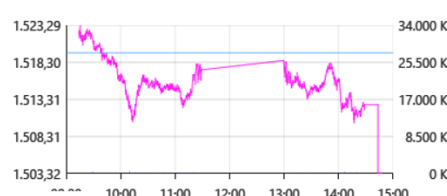
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,469.83	-0.41%	-6.02	1,090.65	34,925.5	223	39	243
Vn30 - Index	1,503.42	-1.06%	-16.16	271.74	12,760.1	6	1	23
Vn - Mid	2,065.81	1.18%	24.00	354.49	12,399.4	34	3	33
VN - Small	2,115.66	1.30%	27.25	270.91	5,890.1	96	16	80
HNX - Index	468.65	1.23%	5.70	148.00	3,824.9	142	81	115
Upcom - Index	113.26	0.93%	1.05	108.89	2,287.9	196	69	158

BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

VN-INDEX



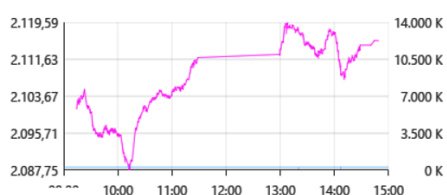
VN30



VN-MID



VN-SMALL



HNX-INDEX



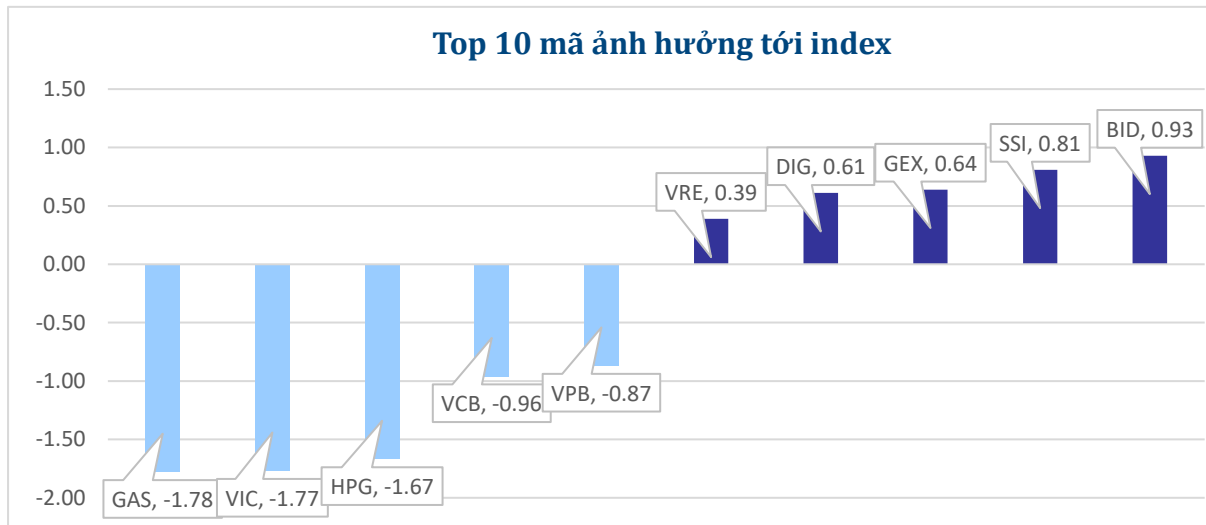
UPCOM



THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	34,925.50	33.98%	1090.65	26.70%
HNX	3,824.90	16.43%	148.00	18.92%

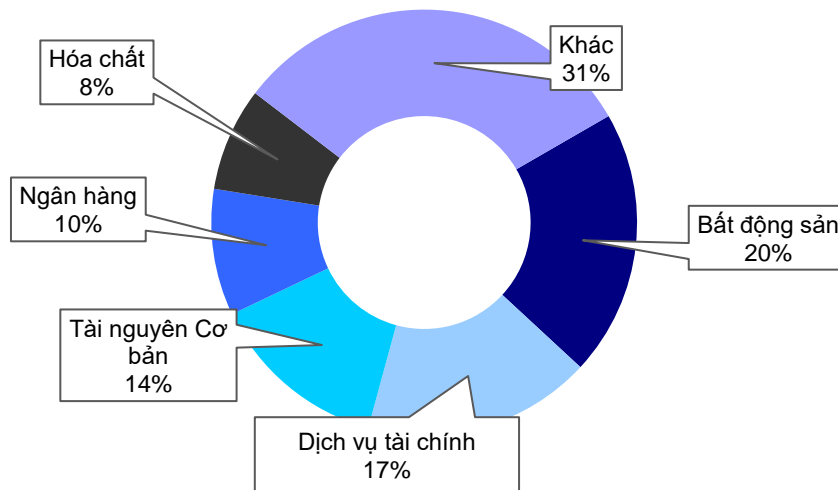
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

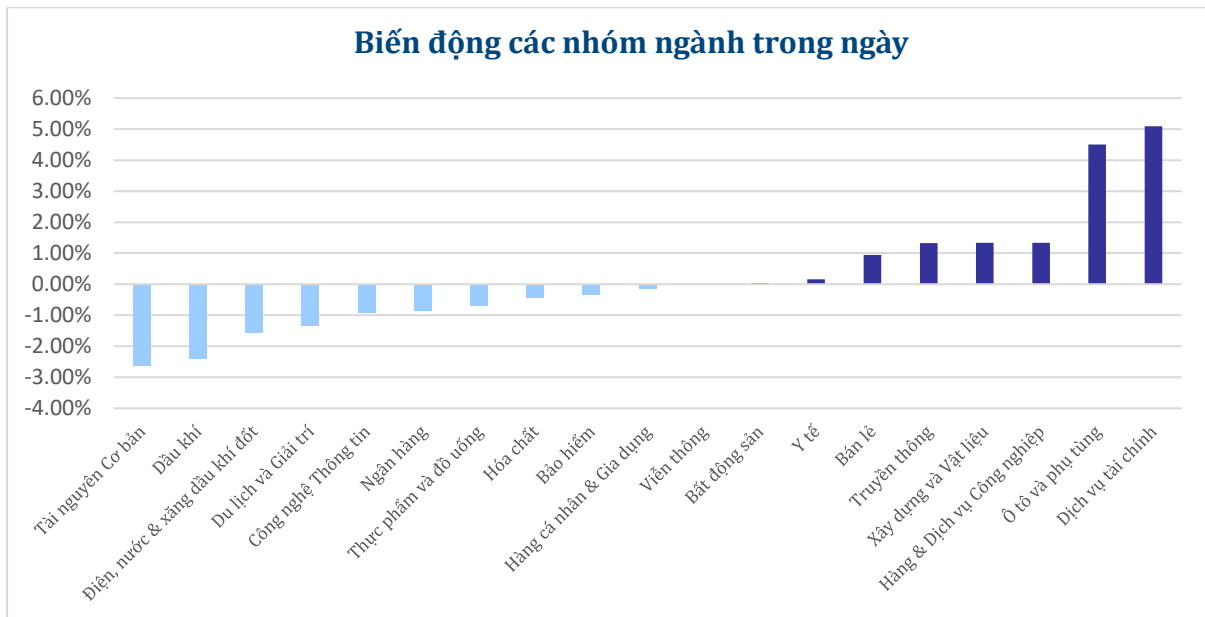


Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
HPG	58.47	HPG	2,939.2	DPM	302%	CEO	9.9%	HSG	-6.1%
SSI	40.90	SSI	1,990.5	VCG	277%	SSI	7.0%	DCM	-5.7%
FLC	32.99	DPM	792.9	HSG	223%	GEX	7.0%	DPM	-5.6%
HQC	31.13	GEX	787.3	VIC	201%	PAN	7.0%	NKG	-5.0%
POW	31.02	HSG	748.8	SSI	196%	DIG	7.0%	PVD	-4.4%

NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày

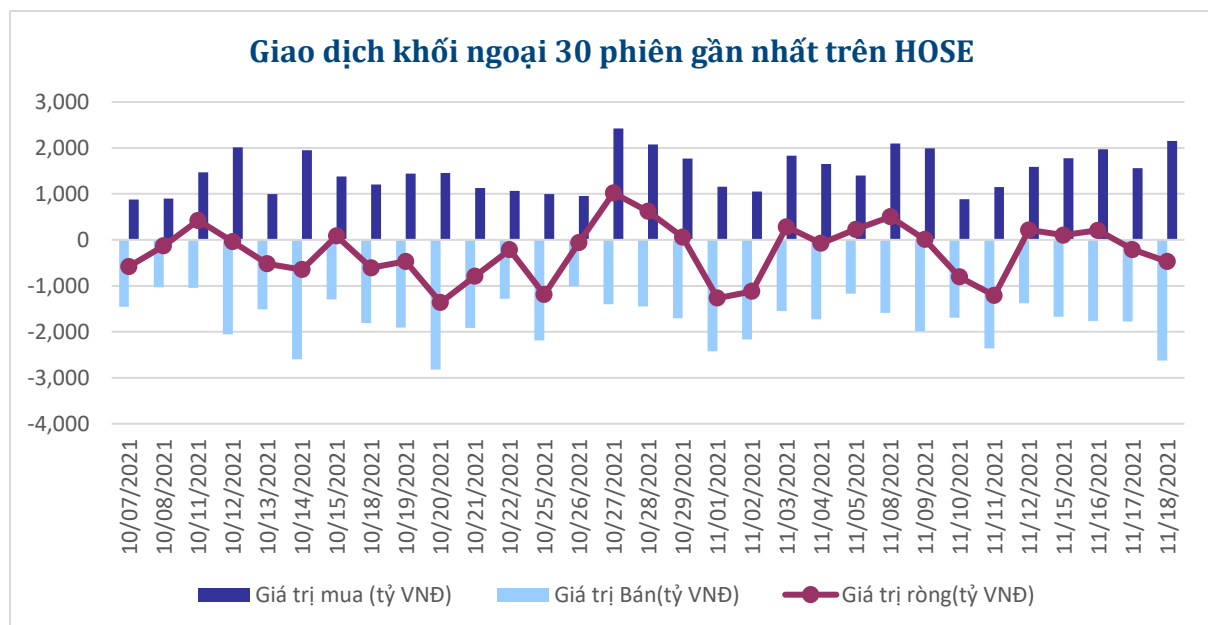




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 472.82 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 11.92 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VHM	119.92	SSI	289.99
CTG	106.03	HPG	237.84
MSN	46.88	VND	128.40
DGW	43.87	HSG	85.17
KBC	42.88	VPB	55.40





XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 Email: ivs@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696